

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐẮK GLONG  
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/HNGĐ-ST

Ngày 05-5-2021.

“V/v Tranh chấp về ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK GLONG**

**Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Đình Hưng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hoài Phương và ông Lê Văn Lượng

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Phạm Duy Cường - CBTA.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Viết Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 05-5-2021 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 116/2021/TLST-HNGĐ, ngày 01 tháng 12 năm 2021 về “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 05-4-2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1987

Địa chỉ: Thôn 1, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, có mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1980

Địa chỉ: Thôn 1, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị M trình bày:* Chị và anh T chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh vào năm 2007. Sau khi kết hôn chị và anh T sinh sống tại xã Đ Trong quá trình chung sống cuộc sống vợ chồng bình thường đến năm 2012 thì xảy ra mâu thuẫn, thường hay cãi nhau, nguyên nhân do anh T ham chơi bài và đánh đập chị, tuy nhiên do các con còn nhỏ nên chị M cố gắng chịu đựng, đến năm 2019 đến nay thì cuộc sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, chị và anh T đã ly thân cho đến nay. Hiện tại chị M cảm thấy không thể hàn gắn cuộc sống hôn nhân với anh T được nữa, do vậy, chị làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Trong thời gian sống chung, chị và anh T có 02 con chung là Nguyễn Cao P, sinh ngày 18-6-2008, Nguyễn Cẩm N, sinh ngày 14-3-2012; khi ly hôn chị M có nguyện vọng nuôi con chung Nguyễn Cẩm N; giao con chung Nguyễn Cao P cho anh Nguyễn Văn T nuôi dưỡng và không ai có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Thời gian sống chung chị và anh T có tạo dựng một số tài sản chung gồm: 01 lô đất có diện tích khoảng 03ha, trên đất có 01 căn nhà cấp 4 diện tích xây dựng khoảng 80m<sup>2</sup> (trong 03 ha đất có 01ha đất đã được UBND huyện Đ cấp giấy chứng quyền sử dụng đất); 01 lô đất diện tích khoảng 08 sào, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản tạo dựng trên đất; toàn bộ diện tích đất tọa lạc tại Thôn 1, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; khi làm đơn khởi kiện chị yêu cầu Tòa án chia tài sản chung theo quy định của pháp luật; tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án, giữa chị và anh T đã tự thỏa thuận về tài sản chung nên chị xin rút yêu cầu chia tài sản chung.

*Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:* Anh và chị M kết hôn với nhau năm 2007, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. Trong thời gian chung sống cuộc sống vợ chồng bình thường, đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do chị M thường xuyên dùng điện thoại, cuộc sống vợ chồng không có tiếng nói chung, kể từ đầu năm 2020 đến nay thì vợ chồng không còn tình cảm, không còn quan tâm đến nhau. Hiện nay chị M làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, anh đồng ý ly hôn với chị M.

Về con chung: Anh và chị M có 02 con chung như chị M trình bày, khi ly hôn anh đồng ý giao con chung Nguyễn Cẩm N cho chị M nuôi dưỡng, anh nuôi dưỡng con chung Nguyễn Cao P, không ai phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền đi lại thăm nom con chung.

Về tài sản chung: Anh T trình bày anh và chị M chỉ có tài sản chung là 01 căn nhà cấp 4, diện tích xây dựng khoảng 80m<sup>2</sup>; đối với hai lô đất chị M trình bày là tài sản chung, anh T không đồng ý; anh chỉ đồng ý chia căn nhà và 01 ha diện tích đất đã được Ủy ban nhân dân huyện Đắk Glong cấp giấy chứng nhận theo quy định của pháp luật; các tài sản khác anh không đồng ý chia theo quy định; tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án, anh T, chị M đã thỏa thuận tài sản nên anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong phát biểu ý kiến với các nội dung:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị M được ly hôn với anh Nguyễn Văn T; giao con chung Nguyễn Cẩm N, sinh ngày 14-3-2012 cho chị M nuôi dưỡng; giao con chung Nguyễn Cao P, sinh ngày 18-6-2008 cho anh Nguyễn Văn T nuôi dưỡng; không ai phải cấp dưỡng nuôi con; đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của chị Nguyễn Thị M.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bị đơn anh Nguyễn Văn T đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại Thôn 1, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, nguyên đơn yêu cầu giải quyết về vấn đề ly hôn, con chung nên Hội đồng xét xử xét thấy đây là quan hệ pháp luật “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự;

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Văn T chung sống và đăng ký kết hôn năm 2007, tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. Trong quá trình chung sống, chị M và anh T đều xác nhận vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng năm 2019 đến nay thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, nên thường xuyên cãi nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, hiện nay chị M và anh T đã sống ly thân, do vậy chị M, anh T đều thống nhất ly hôn. Xét thấy mối quan hệ hôn nhân giữa chị M, anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống vợ chồng không thể kéo dài. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị M đối với anh T là có căn cứ phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, HĐXX chấp nhận.

Về con chung: Chị M và anh T có 02 con chung là Nguyễn Cao P, sinh ngày 18-6-2008, Nguyễn Cẩm N, sinh ngày 14-3-2012, trong quá trình giải quyết vụ án, chị M và anh T thống nhất giao con chung là Nguyễn Cẩm N cho chị M nuôi dưỡng, giao con chung là Nguyễn Cao P cho anh T nuôi dưỡng; xét việc thỏa thuận nuôi con của chị M và anh T phù hợp với nguyện vọng của cháu Phi, cháu Nhung nên Hội đồng xét xử chấp nhận; về cấp dưỡng nuôi con chị M, anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Khi nộp đơn khởi kiện, chị M yêu cầu Tòa án chia tài sản chung giữa chị M và anh T trong thời kỳ hôn nhân; tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã tự thỏa thuận với nhau và chị M đã có đơn xin rút yêu cầu chia tài sản chung; xét việc rút yêu cầu chia tài sản chung của chị M là tự nguyện, nên cần đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân giữa chị M và anh T.

[3] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên:*

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84, 85 của Luật hôn nhân và gia đình; căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 235, khoản 2 Điều 244; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị M

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị M được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

1.2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Cẩm N, sinh ngày 14-3-2012 cho chị Nguyễn Thị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành; giao con chung là Nguyễn Cao P, sinh ngày 18-6-2008 cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

1.3 Về cấp dưỡng nuôi con: Chị M, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

1.4. Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của chị Nguyễn Thị M.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị M đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000932 ngày 27-11-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Glong;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND xã T, huyện C (nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**(ĐÃ KÝ)**

**Phạm Đình Hưng**





